

Hát Môn, ngày 24 tháng 12 năm 2025

## THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

### Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá

Trạm Y tế Hát Môn có kế hoạch thực hiện gói thầu: “Hóa chất cho máy xét nghiệm”. Để có cơ sở lựa chọn đơn vị thẩm định giá có đủ năng lực pháp lý theo quy định. Trạm Y tế Hát Môn thông báo rộng rãi tới các đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực và đủ điều kiện đáp ứng đúng quy định của Luật Đấu thầu tham gia chào giá dịch vụ thẩm định, cụ thể:

1. Tài sản thẩm định giá: Hóa chất xét nghiệm (có bảng danh mục kèm theo)
2. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở xây dựng giá gói thầu
3. Địa điểm thẩm định giá: Hà Nội
4. Ngày yêu cầu thẩm định giá: Tháng 12/2025

Đơn vị nhận báo giá: Bộ phận Dược

Người liên hệ: Nguyễn Thị Bạch

Điện thoại: 0342853286

Thời gian nhận báo giá: Trước 17h ngày 29 /12/2025./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu BP KHNV;
- Lưu VT.



TRƯỜNG TRẠM  
Bs CKII. Vương Trung Kiên

**DANH MỤC YÊU CẦU THẨM ĐỊNH GIÁ**  
(Kèm theo thông báo số. *C.ATK. NT* ngày...*2.11.22/2022*. của *Trạm Y tế Hát Môn*)

STT	Tên vật tư	Ký mã hiệu	Đơn vị tính	Quy cách	Thông số kỹ thuật	Số lượng
<b>I. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học Swelab Alfa Plus Standard</b>						
1	Dung dịch pha loãng	Swelab Alfa Diluent, (1504462)	Thùng	20 lít/thùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào.</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Muối ổn định isotonic &lt;1.5%;</li> <li>+ Thuốc chống vi trùng &lt;0.1%;</li> <li>+ Dung dịch đệm &lt;0.3%</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói : 20 lít/thùng</li> </ul>	8
2	Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu	Swelab Alfa Lyse, (1504463)	Thùng	5 lít/thùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào.</li> <li>- Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Muối bậc 4 &lt;1.0%;</li> <li>+ Muối &lt;1.5%.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói : 5 lít/thùng</li> </ul>	8
3	Chất thử chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học	Boule Con-Diff Normal; Boule Con-Diff Low; Boule Con-Diff High (1504019, 1504020, 1504021)	Bộ	3x4.5ml/bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là chất chuẩn sử dụng để theo dõi hoạt động của máy phân tích huyết học.</li> <li>- Đóng gói: 3x4.5ml/bộ.</li> </ul>	4
4	Chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Boule Hypochlorite 2% Cleaner, 1504113	Lọ	500ml/lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là dung dịch rửa máy hàng ngày.</li> <li>-Thành phần:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự suy giảm lipid/ protein trong Sodium hypochlorite: 2.0-2.4% active chlorine;</li> <li>+ Độ ổn định Sodium hydroxide &lt;0.05%;</li> <li>+ Chất hoạt động bề mặt &lt;0.05%.</li> </ul> </li> <li>- Đóng gói: 500ml</li> </ul>	2
<b>II. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa máu</b>						

1	Glucose MR 2x50 mL/Hộp	Glucose MR 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<p>- Thành phần: + R1: Đơn chất. Phosphate buffer 200 mmol/L pH 7.5, glucose oxidase &gt; 10 KU/L, peroxidase &gt; 2 KU/L, 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/L, phenol 5 mmol/L, sodium azide &lt; 1 g/L + CAL: Glucose chuẩn. Glucose 100 mg/dL (5.55 mmol/L). - Quy cách: 2 x 50 mL</p>	24
2	AST/GOT BR opt. 2x50 mL/Hộp	AST/GOT BR opt. 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<p>- Thành phần: + R1: chất nền AST. Dung dịch đệm TRIS 121 mmol/L pH 7,8, Laspartate 362 mmol/L, dehydrogenase malat 460U/L, natri azit 0,95 g/L + R2: coenzym AST. NADH 1,3 mmol/L, 2-oxoglutarate 75 mmol/L, natri azit 0,95 g/L - Đóng gói: 2x50mL</p>	19
3	ALT/GPT BR opt. 2x50 mL/Hộp	ALT/GPT BR opt. 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<p>- Thành phần: + R1: ALT-chất nền. Dung dịch đệm TRIS 150 mmol/L pH 7,3, L-alanine 750 mmol/L, lactate dehydrogenase 1350 U/L, natri azit 0,95 g/L + R2: ALT-coenzym. NADH 1,3 mmol/L, 2-oxoglutarate 75 mmol/L, natri azit 0,95 g/L - Đóng gói: 2x50mL</p>	19
4	Cholesterol MR 2x50 mL/Hộp	Cholesterol MR 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<p>- Thành phần: + R1: Thuốc thử đơn. PIPES buffer 70 mmol/L pH 7.0, sodium cholate 1 mmol/L, cholesterol esterase &gt; 250 U/L, cholesterol oxidase &gt; 250 U/L, peroxidase &gt; 1 KU/L, 4-aminoantipyrine 0.33 mmol/L, phenol 4 mmol/L, non-ionic tensioactives 2 g/L (w/v), sodium azide 0.05 g/L + CAL: Cholesterol standard. Cholesterol 200 mg/dL (5.18 mmol/L), 22-propanol, surfactants và sodium azide 0.16 g/L - Quy cách: 2 x 50 mL</p>	13

5	Triglycerides MR 2x50 mL/Hộp	Triglyceri des MR 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần:</li> <li>+ R1: Monoreagent. PIPES buffer 50 mmol/L pH 6.8, LPL <math>\geq</math> 1.2 KU/L, GK <math>\geq</math> 1 KU/L, GPO <math>\geq</math> 1.9 KU/L, ATP 2.0 mmol/L, Mg<sup>2+</sup> 40 mmol/L, POD <math>\geq</math> 2.5 KU/L, 4-AA 0.5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, non-ionic tensioactives 2 g/L (w/v), sodium azide 0.05 g/L.</li> <li>+ CAL: Triglyceride Standard. Glycerol 2,26 mmol/L, tương đương với 200 mg/dL glycerol trioleate</li> <li>- Quy cách: 2 x 50 mL</li> </ul>	13
6	Creatine 2x50 mL/Hộp	Creatine 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Creatinine trong điều kiện kiềm phản ứng với các ion picrate tạo thành phức hợp màu đỏ, creatinine-picrate. Tốc độ hình thành của phức hợp được đo thông qua sự gia tăng độ hấp thụ trong một khoảng thời gian cho trước tỷ lệ thuận với nồng độ creatinine trong mẫu</li> <li>- Thành phần:</li> <li>+ R1: Picric acid. Axit Picric 25 mmol/L</li> <li>+ R2: Alkaline buffer. Phosphate buffer 30 mmol/L pH 12.7, NaOH 300 mmol/L.</li> <li>+ CAL: Creatinine tiêu chuẩn. Creatinine 2 mg/dL (177 <math>\mu</math>mol/L)</li> <li>- Quy cách: 2 x 50 mL</li> </ul>	13
7	Urea/BUN BR 2x50 mL/Hộp	Urea/BUN BR 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần:</li> <li>+ R1: Buffered Urease/GIDH. Dung dịch đệm TRIS 125 mmol/L pH 7,4, 2-ketoglutarate 10 mmol/L, urease - 140 U/mL, glutamate dehydrogenase - 120 U/mL, natri azide 0,95 g/L</li> <li>+ R2: Coenzyme. NADH 1,50 mmol/L và natri azit 0,95 g/L</li> <li>+ CAL: Urea standard Urea 50 mg/dL (8,3 mmol/L)</li> <li>- Quy cách: 2 x 50 mL</li> </ul>	11

8	Uric Acid MR 2x50 mL/Hộp	Uric Acid MR 2x50 mL	Hộp	2x50 mL	<p>- Thành phần: + R1: Monoreagent. Dung dịch đệm phot phát 100 mmol/L pH 7.8, uricase &gt; 0.5 KU/L, peroxidase &gt; 0.5 KU/L, ascorbate oxidase &gt; 1 KU/L, 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/L, DCBS 2 mmol/L, hoạt chất kéo căng không ion 2 g/L (w/v) + CAL: Uric acid standard. Uric acid 6 mg/dL (357 mol/L) - Quy cách: 2 x 50 mL</p>	8
9	LDL- Cholesterol Direct 40 mL/lọ	LDL- Cholesterol Direct 40 mL	Lọ	40 mL	<p>- Thành phần: + R1: Thuốc thử 1.. Chất đệm, chất tẩy rửa 1 &lt; 1%, cholesterol esterase (Pseudomonas sp.) &lt;1500 U/L, cholesterol oxidase (Cellulomonas sp.) &lt;1500 U/L, peroxidase (Cải ngựa) &lt;1300 ppg U/L, 4-aminoantipyrine &lt;0,1 %, ascorbic oxidase (Curcubita sp.) &lt;3000 U/L, và chất bảo quản + R2: Thuốc thử 2..Dung dịch đệm (pH 6,3), chất tẩy rửa 2 &lt;1%, muối dinatri N,N-bis (4 sulphobutyl)-m-toluidine (DSBmT) &lt;1,0 mM và chất bảo quản - Quy cách: 40 mL/ Lọ</p>	8
10	HDL- Cholesterol Direct 40 mL/lọ	HDL- Cholesterol Direct 40 mL	Lọ	40 mL	<p>- Thành phần: + R1: thuốc thử 1. Chất đệm (pH 6), cholesterol oxidase &lt;1000 U/L (Fr: E. Coli), peroxidase (Fr: Horseradish) &lt;1300 ppg U/L, N,N bis(4 sulphobutyl)-m-toluidine muối dinatri (DSBmT) &lt;1 mM, chất xúc tiến &lt;1 mM, chất bảo quản &lt;1 mM, ascorbic oxidase (Fr: Curcubita sp.) &lt;3000 U/L + R2: Thuốc thử 2.Chất đệm (pH 6±0,1), cholesterol esterase (Fr: pseudomonas sp.) &lt;1500 U/L, 4-aminoantipyrine (4-AA), chất tẩy rửa, &lt;2% và chất bảo quản - Quy cách: 40 mL/ Lọ</p>	8

11	LDL/HDL-Cholesterol Calibrator 1 mL/lọ	LDL/HDL - Cholesterol Calibrator 1 mL	Lọ	1 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: làm chất hiệu chuẩn trực tiếp xác định HDL-cholesterol và LDL-cholesterol theo quy trình thủ công và tự động</li> <li>- Thành phần: Nhóm huyết thanh người đã ổn định với các giá trị đã được thử nghiệm cho các tham số được chỉ định. Chứa chất khử khuẩn</li> <li>- Quy cách: 1 x 1ml</li> </ul>	3
12	Multicalibrator or CC/H (5mL/lọ)	Multicalibrator CC/H 5x5 mL	Hộp	5 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Là huyết thanh người đông khô sử dụng trong xét nghiệm hóa học lâm sàng</li> <li>- Thành phần: Huyết thanh người, không có chất bảo quản và chất ổn định phản ứng</li> <li>- Quy cách: 5 x 5ml</li> </ul>	1
13	Human Multisera abnormal 5mL/lọ LINEAR	Human Multisera abnormal 5x5 mL LINEAR	Hộp	5 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: là huyết thanh ổn định và đông khô có nguồn gốc từ người để sử dụng trong chẩn đoán in vitro</li> <li>- Thành phần: Human Multisera Abnormal không chứa chất bảo quản. Chứa các nguyên tố vi lượng và polypeptide, đảm bảo rằng các mẫu đối chứng và mẫu thử nghiệm được phân tích trong cùng điều kiện. Kiểm soát rõ ràng sau khi hoàn nguyên (độ hấp thụ ở 700nm &lt;0,278)</li> <li>- Quy cách: 5 x 5ml</li> </ul>	3
14	Human Multisera normal 5mL/lọ LINEAR	Human Multisera normal 5x5 mL LINEAR	Hộp	5 mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: là huyết thanh ổn định và đông khô có nguồn gốc từ người</li> <li>- Thành phần: Human Multisera Normal không chứa chất bảo quản. Chứa các nguyên tố vi lượng và polypeptide, đảm bảo rằng các mẫu đối chứng và mẫu thử nghiệm được phân tích trong cùng điều kiện. Kiểm soát rõ ràng sau khi hoàn nguyên (độ hấp thụ ở 700nm &lt;0,278)</li> <li>- Quy cách: 5 x 5ml</li> </ul>	3
15	LIDA series Cleaner Solution 1L	LIDA series Cleaner Solution 1L	Bình	1 lít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng: Dùng để vệ sinh định kỳ cho máy phân tích sinh hóa tự động</li> <li>- Thành phần: Chứa &lt;1% chất hoạt động bề mặt</li> <li>- Quy cách: 1 x 1L</li> </ul>	3

16	LIDA series Extrawash Cuvette Solution 10x60ml	LIDA series Extrawash Cuvette Solution 10x60ml	Hộp	10x60ml	- Chức năng: Dùng để rửa cuvette dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động - Quy cách: 10 x 60 mL	3
<b>III. Hóa chất sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combostik R50s</b>						
1	Que thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 11 thông số	ComboStik 11	Hộp	100 test	- Các thông số đo được: Glu (Glucose), Pro (Protein)m, pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid). - Đóng gói: 100 test/ hộp. - HSD: 18 tháng từ ngày sx.	24
<b>Tổng: 21 khoản</b>						